TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tam Bình, ngày 22 tháng 9 năm 2020

Số: 257/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 350/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị N1, sinh năm 1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã N2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nơi ở hiện nay ấp T1, xã T2, huyện D, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ P, sinh năm 1975; cư trú tại ấp A, xã N2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1957; cư trú tại ấp A, xã N2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1978.

- Anh Nguyễn Tuấn M, sinh năm 1988.

Cùng cư trú tại: Ấp C2, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị N1 và anh Nguyễn

Vũ P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1.1. Chị Trương Thị N1 đồng ý giao cháu Nguyễn Trung T4, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2006 cho anh Nguyễn Vũ P được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.1.2. Anh Nguyễn Vũ P không yêu cầu chị Trương Thị N1 cấp dưỡng cho con.

2.1.3. Chị Trương Thị N1 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Chị Trương Thị N1, anh Nguyễn Vũ P, bà Nguyễn Thị C1 thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Trương Thị N1, anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị T3, anh Nguyễn Tuấn M thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị N1 tự nguyện chịu án phí ly hôn số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng. Số tiền này chị N1 được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số No 0010371 ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Hoàn trả cho chị N1 được nhận lại số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC.THADS huyện Tam Bình: 01;
- UBND xã T2, huyện D, tỉnh Cà Mau: 01;
- Đương sự: 05;
- Lưu án văn: 06.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Cao Minh Tân